TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS- PT.
Ngày 22 tháng 01 năm 2021.
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Hương;

Ông Nguyễn Kim Ái.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tiến Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2020/TLPT – DS ngày 09 tháng 11 năm 2020; Về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2020/QĐPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020 và các quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số:02/2020/QĐST-DS ngày 16/12/2020; Số 03/2021/QĐST-DS ngày 12/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP D Việt Nam**;

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 H, quận H, thành phố Hà Nội;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - chức vụ: Tổng giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung C - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP D Việt Nam, chi nhánh H;
(Theo quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP D Việt Nam).
Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ V - chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch

S - Ngân hàng TMCP D Việt Nam, chi nhánh H;
(Theo quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 645/QĐ-BIDV.HVU ngày 03/6/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCP D Việt Nam - chi nhánh H).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu O, sinh năm 1960 và ông Trần H, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số nhà 136, phố V, thị trấn S, huyện S, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu C, cục trưởng cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang N, chức vụ: Chấp hành viên, phó trưởng phòng nghiệp vụ và tổ chức thi hành án – Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
(Theo giấy ủy quyền số: 1788/GUQ – CTHADS ngày 25/11/2020 của cục trưởng cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ).

(Các đương sự Ông Đỗ V, ông Trần H và bà Phạm Thị Thu O đều có mặt; ông Nguyễn Quang N có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại tòa án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP D Việt Nam là Ông Đỗ V trình bày:

- Khoản vay thứ Nhất: Ngày 09/10/2015 vợ chồng bà Phạm Thị Thu O, ông Trần H ký hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD với Ngân hàng TMCP D Việt Nam, Chi nhánh H vay số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày rút vốn lần đầu 09/10/2015 đến ngày 09/10/2020, mục đích vay để trả tiền mua đất và nhà ở tại phố B, TT S. Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11%/năm và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi xuất trong hạn quy định trong hợp đồng.

Bảo đảm cho khoản vay trên bà O, ông H đã thế chấp cho ngân hàng là 03 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Ba thửa đất liền thổ) tại phố B, TT S, huyện S đều đứng tên bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H. Gồm giấy CNQSD đất số CA 249791 do UBND huyện S cấp ngày 02/10/2015; Giấy CNQSD đất CA 249793 do UBND huyện S cấp ngày 02/10/2015; Giấy CNQSD đất CA 249790 do UBND huyện S cấp ngày 02/10/2015, tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà 05 tầng xây dựng năm 2009 tổng diện tích xây dựng 600 m^2, hai bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 201/2015/7358669/HĐBĐ, số công chứng 282/2015 quyển số: 01 ngày 09/10/2015 tại văn phòng công chứng S. (Hợp đồng thế chấp tài sản và 03 GCNQSDĐ đã bị Tòa án Cấp Cao tại Hà Nội hủy).

Quá trình thực hiện hợp đồng bà O, ông H đã trả cho Ngân hàng 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và 192.236.528đ (Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi tám đồng) nợ lãi, sau đó Cơ quan Thi hành án Dân sự kê biên toàn bộ tài sản thế chấp để thi hành trong một vụ án khác nên bà O, ông H không trả nợ cho Ngân hàng nữa, tính đến ngày 15/9/2020 bà O, ông H còn dư nợ 2.141.358.583đ, trong đó dư nợ gốc là 1.350.000.000đ, lãi trong hạn là 686.270.166đ, lãi phạt quá hạn là 105.088.417đ.

- Khoản vay thứ hai: Ngày 13/4/2016 vợ chồng bà Phạm Thị Thu O, ông Trần H ký hợp đồng tín dụng số 87/2016/7358669/HĐTD với Ngân hàng TMCP D Việt Nam – Chi nhánh H vay số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, mục đích vay để mua đất và nhà ở tại thành phố Việt trì, tỉnh Phú Thọ. Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 11%/năm và được điều chỉnh (06 tháng/lần) theo lãi xuất cho vay cùng kỳ hạn vay tại thời điểm điều chỉnh, lãi xuất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn quy định trong hợp đồng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Bảo đảm cho khoản vay nêu trên bà O, ông H đã thế chấp cho Ngân hàng là 01 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phố V, TT S, huyện S. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO164210 do UBND huyện S cấp ngày 14/11/2008, tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà xây 03 tầng xây dựng năm 2010 tổng diện tích xây dựng 270 m^2 các bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 87/2016/7358669/HĐBĐ, số công chứng 466/2016 quyển số: 01 ngày 13/4/2016 tại văn phòng công chứng S.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà O, ông H đã trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền nợ lãi là 224.266.750đ (Hai trăm hai bốn triệu hai trăm sáu sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng) và 720.000.000đ (Bảy trăm hai mươi triệu) nợ gốc, tính đến ngày 15/9/2020 bà O, ông H còn dư nợ là 281.976.333đ, trong đó dư nợ gốc là 280.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.976.333đ.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng bà O, ông H đã có thiện chí cùng Ngân hàng thực hiện đúng hợp đồng tín dụng, tuy nhiên tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015 của bà O, ông H có phát sinh tranh chấp trong một vụ án dân sự khác và bị kê biên tài sản dừng hoạt động do đó bà O ông H không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015, dẫn đến việc phát sinh nợ quá hạn và chuyển nợ xấu tại Ngân hàng, căn cứ các quy định của Ngân hàng nhà nước về phân loại nợ, Ngân hàng đã phân loại cả hai khoản nợ của bà O ông H tại Ngân hàng BIDV Hùng Vương vào nhóm nợ quá hạn và nợ xấu.

Nay Ngân hàng BIDV chi nhánh H đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà O, ông H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh, lãi phạt quá hạn theo thỏa thuận của hai hợp đồng ký kết với Ngân hàng tính đến thời điểm 15/9/2020 như đã trình bày ở trên. Trường hợp bà O, ông H không thực hiện được việc trả nợ thì yêu cầu Tòa án phát mại tài sản theo hợp đồng thế chấp là 01 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phố V, TT S, huyện S. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO164210 do UBND huyện S cấp ngày 14/11/2008, tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà xây 03 tầng xây dựng năm 2010 tổng diện tích xây dựng 270 m^2 để trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ dư nợ của hai hợp đồng tín dụng nói trên.

***Bị đơn bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H trình bày*:** Bà O, ông H đều thừa nhận về việc vay nợ, số tiền dư nợ gốc, tiền lãi, tiền phạt quá hạn về các khoản vay nợ, các tài sản thế chấp và việc thanh toán nợ gốc và lãi như Ngân hàng trình bày ở trên là đúng.

Nay bà O, ông H nhất trí thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015 như yêu cầu của Ngân hàng. Nhưng hiện nay ông bà chưa có nên phải chờ khoản tiền bồi thường của chị Dung khi phát mại tài sản thế chấp đã bị hủy mà Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ đang phát mại, đề nghị Ngân hàng xem xét ra hạn cho ông bà một năm. Đối với hợp đồng tín dụng số: 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016, bà O, ông H khẳng định ông bà đã trả nợ gốc trước hạn là 720.000.000đ và thanh toán nợ lãi đầy đủ theo hợp đồng như Ngân hàng trình bày, ông bà không có vi phạm gì nên không nhất trí yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đề nghị được tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận. Đề nghị Ngân hàng xem xét, hỗ trợ miễn giảm một phần tiền lãi và đề nghị phía Ngân hàng cho bà O, ông H một khoảng thời gian và hỗ trợ trong việc bán tài sản thế chấp là ngôi nhà + đất tại số nhà 136, Phố V, thị trấn S, nếu bán được nhà, đất thì ông bà sẽ thanh toán toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng, nhưng bà O ông H không nhất trí yêu cầu phát mại tài sản thế chấp bảm đảm cho hợp đồng tín dụng số: 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016 để trả nợ thay cho hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015 vì theo hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2016/7358669/HĐBĐ, số công chứng 466/2016 quyển số: 01 ngày 13/4/2016 tài sản thế chấp chỉ bảo đảm cho khoản vay ngày 13/4/2016 và các khoản vay tại Ngân hàng phát sinh kể từ ngày 13/4/2016 đến ngày 13/4/2027 mà không bảo đảm cho khoản vay ngày 09/10/2015.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Phú Thọ do ông Nguyễn Quang N là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Căn cứ vào

bản án số: 01/2015/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện S và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số: 47/2015/QĐ-PT ngày 31/7/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ; Quyết định thi hành án số: 08/QĐ-CCTHADS ngày 08/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Thọ. Để đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện S xét xử, tuyên bố hợp đồng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Dung với vợ chồng bà O và hợp đồng thế chấp bất động sản giữa Ngân hàng TMCP D Việt Nam – Chi nhánh H và vợ chồng bà Phạm Thị Thu O, ông Trần H là vô hiệu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ Điều 35, Điều 39 khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D Việt Nam, chi nhánh H.

Buộc bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D Việt Nam, chi nhánh H số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015 tính đến ngày 15/9/2020 tổng dư nợ gốc và lãi là 2.141.358.583đ (Hai tỷ một trăm bốn mốt triệu ba trăm năm tám nghìn năm trăm tám ba đồng), trong đó dư nợ gốc là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 686.270.166đ (Sáu trăm tám sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn một trăm sáu sáu đồng), lãi phạt quá hạn là 105.088.417đ (Một trăm linh năm triệu không trăm tám tám nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Buộc bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D Việt Nam, Chi nhánh H số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số: 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016, tính đến ngày 15/9/2020 tổng dư nợ là 281.976.333đ, trong đó dư nợ gốc là 280.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.976.333đ.

2. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật bà O và ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền dư nợ của hợp đồng tín dụng số 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016 , thì Ngân hàng TMCP D Việt Nam – Chi nhánh H có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà O, ông H tại số 136

Phố V, TT S , huyện S, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO164210 do UBND huyện S cấp ngày 14/11/2008 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2016/7358669/HĐBĐ, số công chứng 466/2016 quyển số: 01 ngày 13/4/2016 tại văn phòng công chứng S.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 22/9/2020 bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H kháng cáo một phần bản án về việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông, bà phải thanh toán cho ngân hàng theo hợp đồng số 87/2016/7358669 ngày 13/4/2016.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H vẫn giữ kháng cáo và cho rằng sau khi xét xử sơ thẩm ngày 02/10/2020 ông, bà đã trả cho ngân hàng tiếp được số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) trừ vào khoản vay của hợp đồng tín dụng số: 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của bà O và Ông H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà O, ông H hội đồng xét xử nhận định: Ngày 13/4/2016, Ngân hàng TMCP D Việt Nam - chi nhánh H ký kết hợp đồng tín dụng số: 87/2016/7358669/HĐTD với bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H, số tiền vay là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), thời hạn vay là 120 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất cho vay trong hạn: 11%/ năm và được điều chỉnh (06 tháng/lần) theo lãi suất cho vay cùng kỳ hạn vay tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn quy định trong hợp đồng tại thời điểm

chuyển nợ quá hạn, mục đích vay: Mua đất và nhà ở thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Bảo đảm cho khoản vay nêu trên bà O, ông H đã thế chấp cho Ngân hàng là 01 giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại phố V, TT S, huyện S. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO164210 do UBND huyện S cấp ngày 14/11/2008, tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà xây 03 tầng xây dựng năm 2010 tổng diện tích xây dựng 270 m^2 các bên đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 87/2016/7358669/HĐBĐ, số công chứng 466/2016 quyển số: 01 ngày 13/4/2016 tại văn phòng công chứng S. Khi ký kết hợp đồng này các bên đều tự nguyện ký kết, bên cho vay đã giải ngân và bên vay đã nhận đủ số tiền vay, như vậy quyền và nghĩa vụ hai bên đã phát sinh. Quá trình thực hiện hợp đồng bà O, ông H đã trả cho Ngân hàng tiền nợ lãi là 224.266.750đ và 720.000.000đ (Trả trước hạn) nợ gốc, tính đến ngày 15/9/2020 bà O, ông H còn dư nợ là 281.976.333đ, trong đó dư nợ gốc là 280.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.976.333đ. Các bên thực hiện hợp đồng này không có vi phạm gì, Bà O và ông H đã thực hiện và trả nợ trước hạn được Ngân hàng chấp nhận.

Tuy nhiên do bà O và ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015, đặc biệt là các tài sản bảo đảm của hợp đồng tín dụng số 201 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử tại bản án số 04/2019/DS-ST ngày 27/3/2019 và bản án phúc thẩm số 218/2019/DS-PT ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên Hủy hợp đồng thế chấp bất động sản số 201/2015/7358669/HĐBĐ ngày 09/10/2015 giữa bên thế chấp là bà O và ông H với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP D Việt Nam – Chi nhánh H. Như vậy hợp đồng tín dụng số 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015 giữa bên vay là bà Phạm Thị Thu O, ông Trần H và bên cho vay là Ngân hàng TMCP D Việt Nam – Chi nhánh H không còn tài sản bảo đảm và tài sản này đã bị Cơ quan Thi hành án Dân sự huyện S, tỉnh Phú Thọ đã có Quyết định kê biên vì tài sản có liên quan đến nghĩa vụ thi hành án. Do vậy, Ngân hàng BIDV chi nhánh H đã đưa hai khoản nợ này vào là nhóm nợ xấu và chuyển nợ quá hạn. Mặt khác, tại khoản 4 điều 8 quy định về *Điều kiện và điều khoản vay* đính kèm hợp đồng tín dụng số: 87/2016/7358669/HĐTD, hai bên thỏa thuận **quyền và nghĩa vụ của ngân hàng**:

1…

…

4. Đình chỉ cho vay và thu nợ trước thời hạn khi có một trong các trường hợp sau:

a)…

…

c). Tình hình tài chính của bên vay đe dọa nghiêm trọng đến khả năng trả nợ của ngân hàng;

e) Bên vay/Bên bảo đảm vi phạm hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản/hợp đồng bảo đảm tiền vay khác;

g) Có các vụ kiện đe dọa đến tài sản của bên vay có khả năng ảnh hưởng đến việc trả nợ của ngân hàng;

i) Bên vay vi phạm các điều khoản khác quy định tại hợp đồng tín dụng, văn bản này và/hoặc các quy định của pháp luật.

Đối chiếu với các quy định trên thì bà O và ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015 nên ngân hàng có quyền đình chỉ cho vay và thu hồi nợ trước thời hạn số tiền vay nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng số: 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016 là đúng pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bà O, ông H không có căn cứ, Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện S.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà O và ông H đã trả cho ngân hàng được số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), số tiền này bà O và ông H cho rằng trả vào khoản vay của hợp đồng tín dụng số: 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016. Nhưng phía ngân hàng đã trừ vào tiền gốc khoản vay của hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015. Xét thấy số tiền trên bà O và ông H trả cho ngân hàng và ngân hàng đã trừ vào số tiền gốc của hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015 là phù hợp đúng với quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà O, ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự phúc thẩm là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ

thẩm số: 08/2020/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Điều 35, Điều 39 khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 273 - Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 - Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D Việt Nam - Chi nhánh H.

- Buộc bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D Việt Nam – Chi nhánh H số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015 tính đến ngày 15/9/2020 tổng dư nợ gốc và lãi là 2.141.358.583đ (Hai tỷ một trăm bốn mốt triệu ba trăm năm tám nghìn năm trăm tám ba đồng), trong đó dư nợ gốc là 1.350.000.000đ (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn là 686.270.166đ (Sáu trăm tám sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn một trăm sáu sáu đồng), lãi phạt quá hạn là 105.088.417đ (Một trăm linh năm triệu không trăm tám tám nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) do bà O và ông H đã trả ngày 02/10/2020 được trừ vào nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015. Sau khi trừ đi số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) do bà O và ông H đã trả thì bà O và ông H còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D Việt Nam – Chi nhánh H số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015. Dư nợ gốc là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), và khoản lãi phát sinh trong hạn tính đến ngày 15/9/2020 là 686.270.166đ (Sáu trăm tám sáu triệu hai trăm bảy mươi nghìn một trăm sáu sáu đồng), lãi phạt quá hạn là 105.088.417đ (Một trăm linh năm triệu không trăm tám tám nghìn bốn trăm mười bảy đồng). Tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi phát sinh trong hạn và lãi phạt quá hạn là: 1.991.358.583 đ (Một tỷ chín trăm chín mươi mốt triệu ba trăm năm tám nghìn năm trăm tám ba đồng).

- Buộc bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D Việt Nam – Chi nhánh H số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016, tính đến ngày 15/9/2020 tổng dư nợ là 281.976.333đ, trong đó dư nợ gốc là 280.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 1.976.333đ

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật bà O và ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền dư nợ của hợp đồng tín dụng số 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016, thì Ngân hàng TMCP D Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà O, ông H tại số: 136 Phố V, TT S , huyện S, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO164210 do UBND huyện S cấp ngày 14/11/2008 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 87/2016/7358669/HĐBĐ, số công chứng 466/2016 quyển số: 01 ngày 13/4/2016 tại văn phòng công chứng S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tính từ ngày tiếp theo ngày 15/9/2020 theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 201/2015/7358669/HĐTD ngày 09/10/2015 và hợp đồng tín dụng số: 87/2016/7358669/HĐTD ngày 13/4/2016.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị Thu O và ông Trần H. Trả lại cho Ngân hàng TMCP D Việt Nam – Chi nhánh H toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.300.000đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2016/0000489 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho bà Phạm Thị Thu O, ông Trần H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện S;
- TAND huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hà Giang